

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo.

Bà Huỳnh Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại Toà án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 236/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, căn cước công dân số 091187015570 cấp ngày 10/05/2021; địa chỉ thường trú: Tổ 19, ấp Tân Phát B, xã T, tỉnh An Giang (trước đây là xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang); địa chỉ tạm trú: 97/43/25, đường H, tổ 16, khu 3, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Thanh H, sinh năm 1986, căn cước công dân số 089086026244 cấp ngày 07/02/2022; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, tỉnh An Giang (trước đây là ấp T, xã B, huyện T, An Giang); địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Văn T, đường T, tổ 3, khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Mai Thanh H đăng ký kết hôn ngày 25/3/2013 tại Ủy ban nhân xã B, huyện T, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh An Giang) được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31/KH, quyền số 01/2023. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống và làm ăn tại thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương chăm sóc nhau nhưng vào năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau; ông H không chăm nom, lo lắng cho vợ con; không đồng cảm trong công việc gia đình, thường đánh đập bà L. Tháng 5 năm 2025, bà L có nộp đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H. Tuy nhiên, vì muốn vợ chồng có cơ hội đoàn tụ, xây dựng gia đình nên bà L đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định đình chỉ số 14/2025/QĐST – HNGĐ ngày 23/7/2025. Tuy nhiên, sau khi bà L rút đơn khởi kiện, ông H vẫn không thay đổi, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong suốt quá trình sống ly thân, ông H không liên lạc hỏi thăm vợ con và không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Bà L nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Mai Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Thị Hồng N, sinh ngày 16/7/2013. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị L yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung; không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Mai Thanh H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Ủy ban nhân dân phường T, huyện T, tỉnh Bình Dương) được cung cấp thông tin như sau: Bà Nguyễn Thị L và ông Mai Thanh H trong quá trình sinh sống tại địa phương Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được đơn thư hay phản ánh của bà L cũng như ông H liên quan đến quan hệ hôn nhân, nuôi con chung. Do đó, địa phương không biết giữa vợ chồng ông bà có tên nêu trên mâu thuẫn như thế nào; ông Mai Thanh H, sinh

năm 1986, căn cước công dân số 089086026244 cấp ngày 10/5/2021; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang (trước đây là ấp T, xã B, huyện T, An Giang) đăng ký tạm trú tại nhà trọ Nguyễn Văn T, đường TH 38, tổ 3, khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Mai Thanh H; về con chung: Giao con chung tên Mai Thị Hồng N, sinh ngày 16/7/2013 cho bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông Mai Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Mai Thanh H và yêu cầu giao quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh và quá trình giải quyết vụ án xác định, ông Mai Thanh H, sinh năm 1986, căn cước công dân số 089086026244 cấp ngày 07/02/2022; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, tỉnh An Giang (trước đây là ấp T, xã B, huyện T, An Giang); địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Văn T, đường TH 38, tổ 3, khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính

đáng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Mai Thanh H chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã B, huyện T, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận kết hôn số 31/KH ngày 25/3/2013. Theo quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Nguyễn Thị L xác định đời sống hôn nhân giữa bà và chồng là ông Mai Thanh H không còn hạnh phúc, mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng, thương yêu nhau; ông H không chăm nom, lo lắng cho vợ con, không đồng cảm trong công việc gia đình với bà L. Vợ chồng thường xuyên bất đồng về kinh tế trong gia đình, cách nuôi dạy con. Vào năm 2018, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau nên bà L có nộp đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H. Tuy nhiên, vì muốn vợ chồng có cơ hội đoàn tụ, xây dựng gia đình nên bà L đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định đình chỉ số 14/2025/QĐST - HNGĐ ngày 23/7/2025. Từ khi rút đơn khởi kiện cho đến nay vợ chồng cũng không có cách giải quyết mâu thuẫn với nhau, hiện nay đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Mai Thanh H.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H vẫn không đến Tòa án, cho thấy ông H không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Về phía bà L, trong quá trình tố tụng xác định hoàn toàn không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với ông H. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng nhưng quan hệ hôn nhân của bà L và ông H đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về việc nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Thị Hồng Nhung, sinh ngày 16/7/2013. Hiện nay con chung đang ở cùng bà L. Xét con chung hiện đang do bà L nuôi dưỡng, ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; tại bản tự khai của cháu N có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên giao con chung cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ông Mai Thanh H cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Tòa án ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 146, 147, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Mai Thanh H.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Mai Thanh H.

Về con chung: Giao con chung tên Mai Thị Hồng N, sinh ngày 16/7/2013 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L về việc không yêu cầu ông Mai Thanh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị L và ông Mai Thanh H đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031268 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự (2);
- Ủy ban nhân xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ, 8.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Kim Lài**